

Tuần 09, 13/03/2026

Rủi ro lạm phát đình trệ từ chiến sự xuất hiện

Tiêu điểm:

- Mỹ mở cuộc điều tra thương mại mới với 16 đối tác chủ chốt vào ngày 11/03. Các đối tác thương mại khác nằm trong diện điều tra về dư thừa công suất gồm Đài Loan (Trung Quốc), Việt Nam, Thái Lan, Malaysia, Campuchia, Singapore, Indonesia, Bangladesh, Thụy Sĩ và Na Uy.
- Ngày 19/03/2026 (Thứ Năm tuần này). Hội đồng Tư vấn Chính sách (FTSE Russell Policy Advisory Board) sẽ chính thức họp bàn để đánh giá các tiêu chí nâng hạng của thị trường Việt Nam.
- Ngày 11/3, Tổ chức Năng lượng Thế giới (IEA) thông báo các nước thành viên nhất trí xả 400 triệu thùng dầu từ kho dự trữ khẩn cấp. Bất chấp thông tin này, giá dầu vẫn tăng trong phiên thứ tư (11/3).

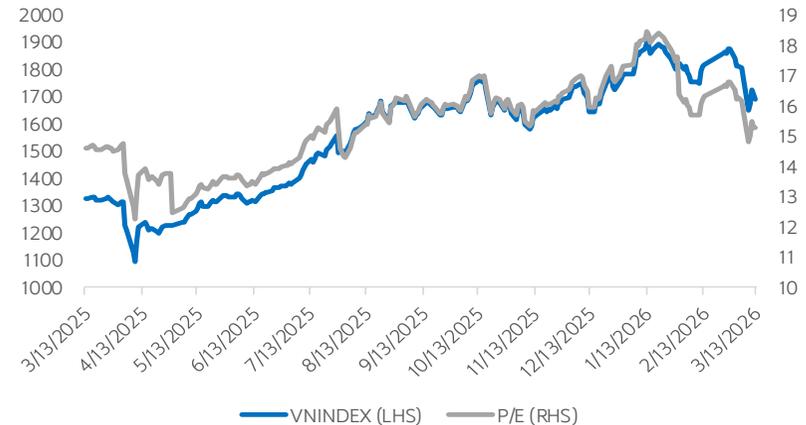
Đánh giá: Sau nhịp giảm rất mạnh hơn 100 điểm đầu tuần, thị trường đang bước vào pha hồi phục kỹ thuật với thanh khoản ở mức thấp, qua đó hình thành một vùng cân bằng mới. Bốn yếu tố cần theo dõi trong thời gian tới: 1) Căng thẳng địa chính trị Mỹ – Israel – Iran: Nếu giá dầu duy trì ở vùng cao hơn 100 USD, rủi ro lạm phát đình trệ và gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục gia tăng, 2) chính sách thương mại của Mỹ, 3) chính sách tiền tệ của FED, 4) các yếu tố hỗ trợ tích cực trong nước gồm mùa Đại hội cổ đông, tin tức nâng hạng thị trường. Chúng tôi cho rằng nhà đầu tư nên ưu tiên nhóm cổ phiếu được hưởng lợi từ các yếu tố nội địa và có vùng định giá hấp dẫn.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,696 (-71.6 điểm; -4.05%) với thanh khoản cao. Thị trường giảm mạnh phiên đầu tuần do tin tức chiến cùng với giá dầu tăng mạnh. Dù đã giảm đã ngừng nhưng đây chỉ là nhịp phục hồi kỹ thuật. Kỳ vọng thị trường tiếp tục giao dịch trong vùng 1,650 – 1,800.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư có thể ưu tiên chiến lược giao dịch linh hoạt theo vùng giá 1,650 – 1,800, đồng thời duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải do các biến số rủi ro từ địa chính trị vẫn còn hiện hữu. Nhà đầu tư có thể xem xét nhóm hưởng lợi từ yếu tố nội địa và bị áp lực call margin chéo gián tiếp sẽ mở ra cơ hội mua thấp.

Tên chỉ số	Giá đóng cửa 1W	% Thay đổi				Xu hướng	Định giá		Vốn hóa (Tỷ USD)
		1M	3M	YTD	P/E		P/B		
VN-Index	1,696	-4.1	-7.0	3.0	-4.9		15.3	2.0	305
Upcom Index	125	-1.7	-2.0	4.6	3.1		NA	2.1	25
HNX Index	246	-3.1	-4.4	-1.7	-1.2		13.0	1.5	15
VN30 Index	1,854	-2.7	-8.2	-0.7	-8.7		14.2	2.2	209
S&P 500 Index	6,673			-2.3			26.1	5.2	59,349
STOXX Europe 600 Index	594	-0.7	-3.8	2.8	0.4		17.5	2.3	17,583
Hang Seng	25,483	-1.1	-4.1	-1.9	-0.6		13.1	1.4	3,922
Nikkei 225	53,820	-3.2	-5.5	5.9	6.9		21.5	2.6	5,772
SHCOMP Index	4,095	-0.7	0.3					1.6	9,499
STI Index	4,840	-0.2	-2.0	5.5	4.2		16.6	1.6	569
KOSPI Index	5,487	-1.7	-0.4	31.7	30.2		20.9	1.8	2,974

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA
 ☎ (84-28) 5808 7603
 ✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
 Cập nhật báo cáo mới nhất

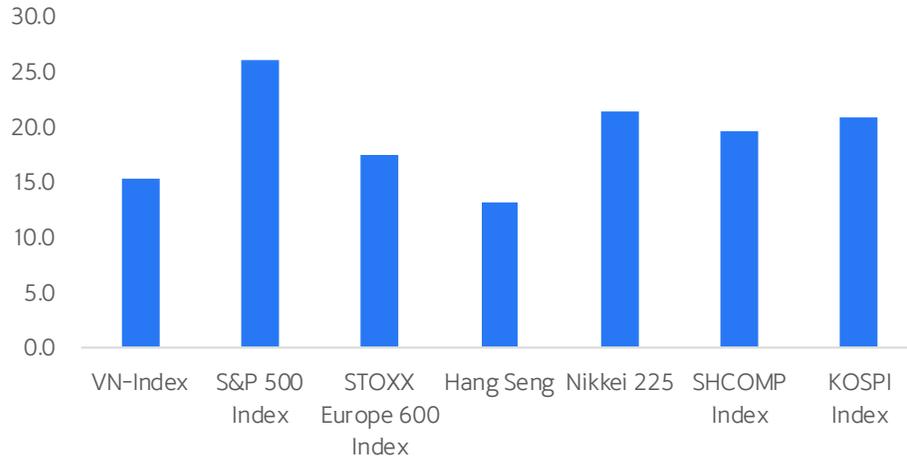


Bấm vào hình hoặc quét QR

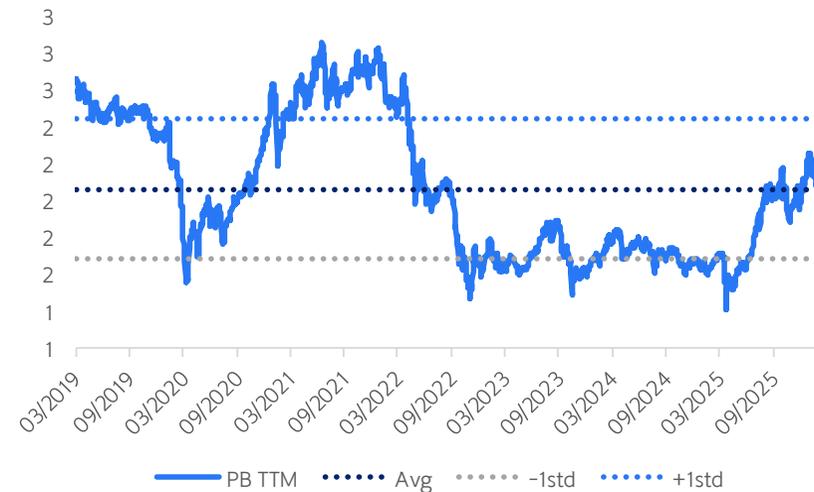
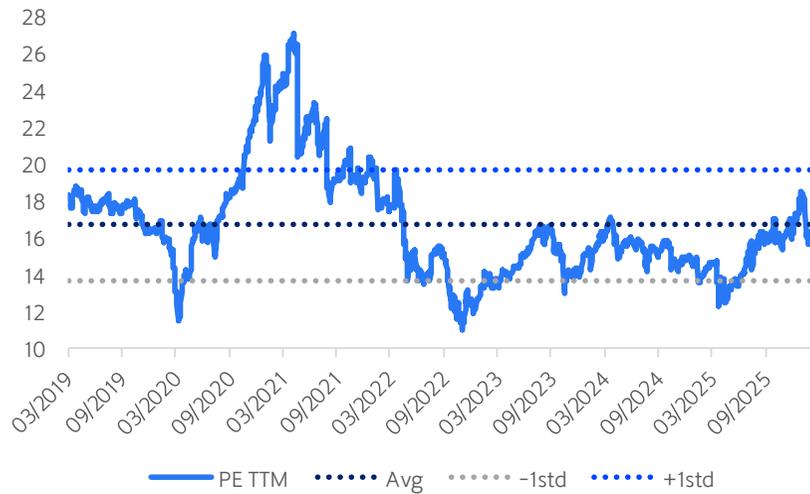
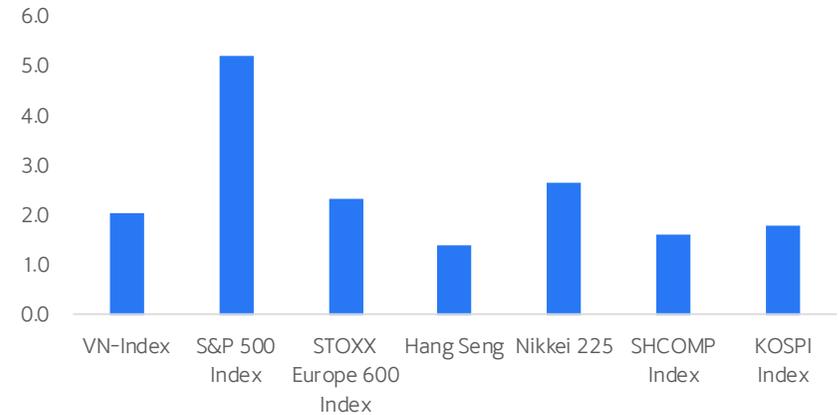
Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá			Vốn hóa (Tỷ VND)			
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current		Change	P/E	P/B
Large Cap	-4.2	-7.0	165.6	-4.3	-11.9	-0.2	14.0	4.5	90.9	2.8	14.4	2.2	7,341,117
Mid Cap	-2.5	-3.6	159.4	2.1	-34.6	-21.0	1.8	-9.2	8.6	-2.7	11.3	1.3	548,345
Small Cap	-1.8	-3.2	-35.8	-2.7	-30.2	-16.0	-10.5	-10.4	0.4	-0.1	11.6	0.7	67,630
Theo ngành													
Tên ngành	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá			Vốn hóa (Tỷ VND)			
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current		Change	P/E	P/B
Ô tô & Phụ tùng	2.2	0.8	71.7	6.9	-0.9	10.2	38.1	24.4	0.3	0.0	4.2	1.1	18,498
Xây dựng và vật liệu	0.1	-2.4	108.1	-0.2	-15.6	-0.6	12.6	3.9	4.1	0.0	10.8	1.4	143,678
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.1	-3.1	38.0	10.5	-28.8	-18.7	0.8	-16.4	1.1	-0.2	11.6	1.8	65,489
Du lịch và Giải trí	-0.3	-7.6	247.8	-12.4	2.4	5.9	-18.0	-11.5	1.2	0.2	24.4	4.6	313,081
Thực phẩm và đồ uống	-0.7	-6.4	287.9	-8.5	-18.8	-2.6	-2.0	-11.5	6.2	-0.3	17.2	3.1	612,694
Dược và Y tế	-1.1	-2.2	296.8	2.0	27.2	17.5	4.4	6.9	0.1	0.0	18.8	2.2	41,016
Bán lẻ	-1.6	-9.8	190.9	0.0	-36.2	-27.3	-5.6	-20.0	1.0	-0.3	29.6	3.4	44,421
Tài nguyên cơ bản	-2.1	-1.6	1,126.2	1.9	3.6	-1.7	44.1	30.5	7.1	1.3	13.8	1.4	246,201
Ngân hàng	-3.3	-8.4	272.4	-1.5	5.7	13.7	7.2	-2.4	26.3	5.1	9.2	1.5	2,527,075
Truyền thông	-4.1	-8.0	-29.3	-3.2	-33.6	-31.4	-27.7	-21.1	0.1	0.0	24.4	1.0	2,599
Bất động sản	-4.2	-9.6	36.9	-18.1	-16.3	-5.8	-20.1	-21.8	11.1	-0.2	23.7	2.7	1,914,542
Bảo hiểm	-4.6	-4.7	748.2	20.5	-14.4	-10.0	-23.5	-36.0	0.3	0.0	15.4	1.9	66,949
Hóa chất	-4.9	2.4	410.0	29.4	3.7	29.1	88.3	74.8	7.5	1.3	17.0	2.0	247,505
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-5.3	-5.2	69.0	-8.9	-36.8	-23.5	22.8	9.2	6.1	-2.1	16.4	2.1	240,650
Công nghệ Thông tin	-5.5	-19.3	1,864.8	-18.2	-19.9	-34.0	18.7	0.8	4.7	-0.3	6.9	3.0	145,895
Tài chính	-7.7	-5.7	253.5	5.1	-31.0	-12.1	14.8	5.7	13.6	-3.2	17.5	1.9	437,921
Dầu khí	-9.7	25.2	484.5	81.0	-12.7	7.7	45.8	21.0	6.3	0.1	33.0	3.0	259,989
Tiện ích	-12.9	-6.0	103.8	13.6	-42.6	-18.8	20.0	-0.8	2.9	-1.4	14.8	2.2	370,152

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư



Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	31,524.0	24,291.8	120,517.0
Ấn độ	-1,952.7	-4,333.9	-5,906.1	-5,906.1
Indonesia	-86.8	44.4	-523.2	-523.2
Nhật Bản*	2,443.3	2,443.3	42,913.7	42,913.7
Mayaysia	-68.8	35.7	337.6	337.6
Hàn Quốc	-4,375.5	-7,587.4	-20,834.0	-20,834.0
Sri Lanka	-0.5	-3.0	-55.2	-55.2
Đài Loan	-5,145.8	-14,037.3	-4,229.3	-4,229.3
Thái Lan	-478.5	-902.1	981.2	981.2
Việt Nam	61.7	-166.0	-681.5	-681.5

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,547	-9.4	-38.9	-26.0	-597.6
Nước ngoài	1,751	-7.2	-34.8	-9.9	-465.1
VanEck Vectors Vietnam ETF	573	-1.7	-21.1	26.9	-21.8
Fubon FTSE Vietnam ETF	412	-5.5	-15.4	-46.2	-395.4
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	-1.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	352	0.0	1.6	11.6	-25.2
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	208	0.0	0.0	-2.2	-12.2
Premia MSCI Vietnam ETF	6	0.0	0.0	0.0	-9.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	796	-2.2	-4.1	-16.1	-132.5
DCVMVN Diamond ETF	512	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVMVN30 ETF Fund	221	-2.3	-2.0	-14.7	-119.9
SSIAM VNFIN LEAD ETF	20	0.0	-0.1	0.8	-2.5
MAFN VN30 ETF	30	0.0	-2.4	-2.8	-8.8
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	0.2	-1.0
VinaCapital VN100 ETF	0	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	8	0.2	0.4	0.4	-0.3

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

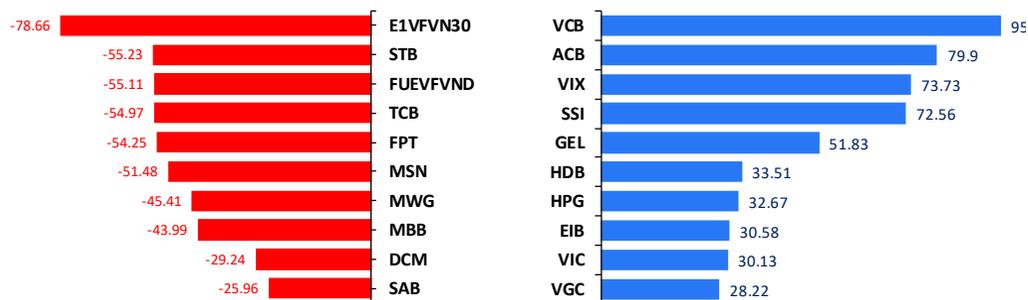
WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

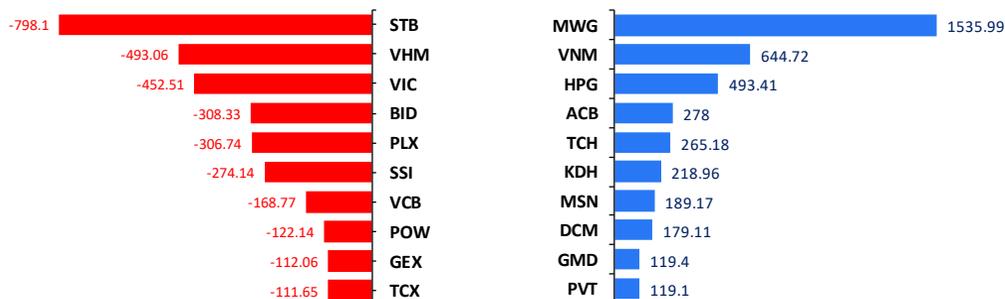
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



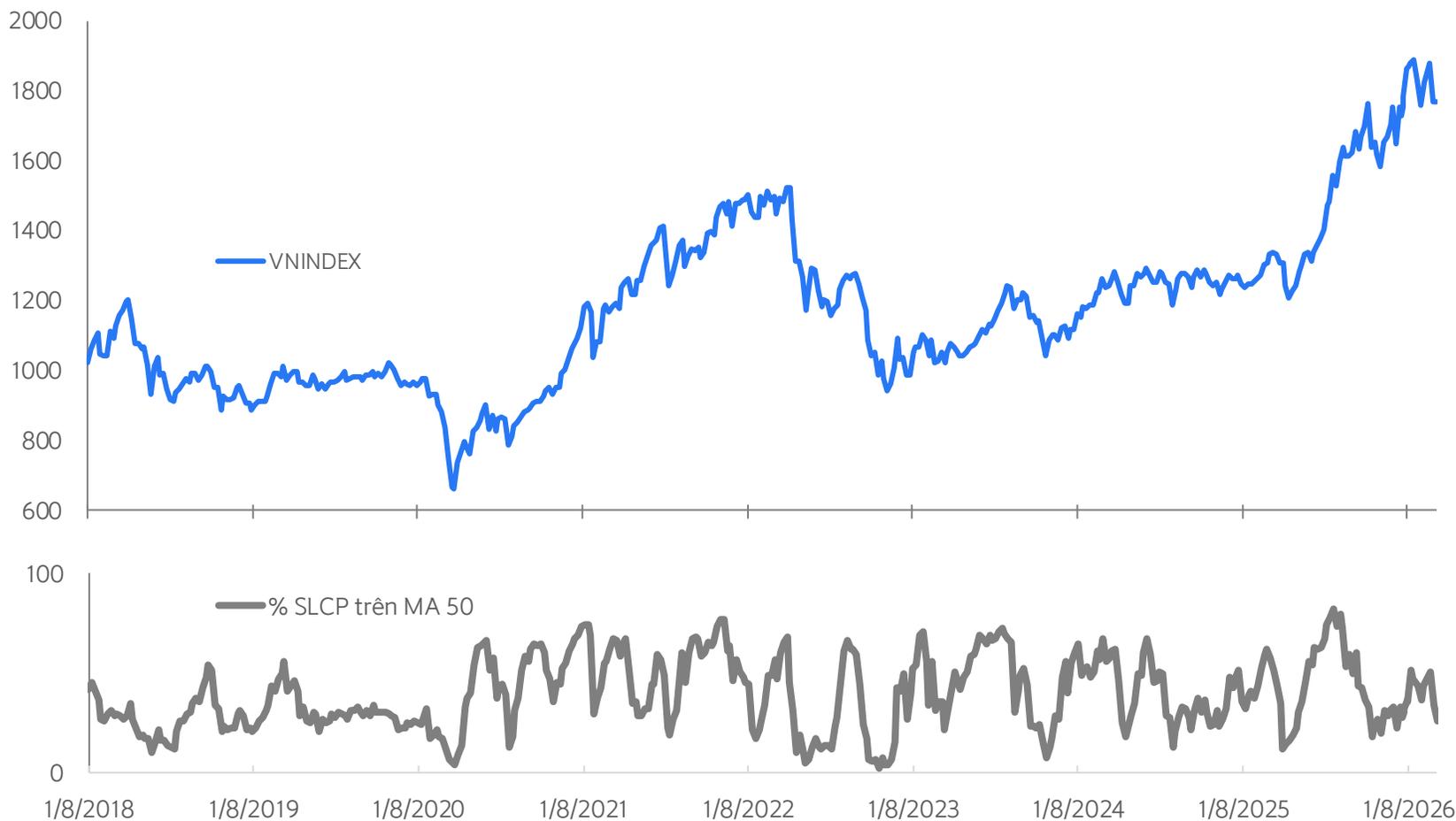
Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	67	-646	-865	1,511
Tài nguyên Cơ bản	33	483	-394	-89
Truyền thông	1	-10	0	10
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45	-7	93	-86
Y tế	0	-9	-8	16
Hóa chất	-33	268	-156	-111
Dịch vụ tài chính	36	-311	-203	514
Du lịch và Giải trí	5	15	-44	28
Ngân hàng	64	-913	1,160	-247
Xây dựng và Vật liệu	-35	130	-3	-127
Thực phẩm và đồ uống	-79	864	-573	-290
Bán lẻ	-27	1,606	-452	-1,153
Điện, nước & xăng dầu khí	20	-178	286	-108
Hàng cá nhân & Gia dụng	8	124	-241	117
Công nghệ Thông tin	-58	-5	488	-484
Ô tô và phụ tùng	1	273	-170	-103
Bảo hiểm	0	-9	-42	51
Dầu khí	-39	-343	126	218
Tổng	7	1,331	-1,000	-331

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	42	Neutral	Weak	DXG	40	Weak	Weak	BVH	45	Weak	Weak	HPG	46	Neutral	Neutral	GEX	42	Weak	Weak
MBB	43	Weak	Weak	NVL	57	Strong	Neutral	BMI	38	Weak	Weak	NKG	38	Weak	Weak	VSC	55	Neutral	Strong
HDB	40	Weak	Weak	DIG	36	Weak	Weak	BIC	43	Neutral	Strong	HSG	38	Weak	Weak	PVT	51	Neutral	Strong
VPB	38	Weak	Weak	VRE	38	Weak	Weak	VIX	38	Weak	Weak	SMC	33	Weak	Weak	GMD	53	Neutral	Strong
MSB	37	Weak	Weak	PDR	37	Weak	Weak	SSI	35	Weak	Weak	CII	46	Neutral	Weak	HAH	43	Weak	Weak
TCB	31	Weak	Weak	VIC	44	Weak	Weak	VND	31	Weak	Weak	HHV	56	Strong	Neutral	GEE	37	Weak	Weak
EIB	52	Neutral	Neutral	KDH	44	Weak	Weak	VCI	50	Neutral	Neutral	VCG	71	Too hot	Strong	VOS	45	Weak	Neutral
ACB	48	Neutral	Neutral	VHM	46	Neutral	Weak	HCM	38	Weak	Weak	PCI	51	Neutral	Strong	APH	31	Weak	Weak
TPB	38	Weak	Weak	TCH	50	Neutral	Weak	TCX	35	Weak	Weak	FCN	46	Neutral	Weak	VTP	46	Neutral	Neutral
STB	57	Neutral	Strong	KBC	41	Weak	Weak	ORS	44	Weak	Weak	VGC	44	Weak	Weak	SBG	30	Weak	Weak
CTG	35	Weak	Weak	HDG	57	Strong	Strong	VDS	31	Weak	Weak	DPG	40	Weak	Weak	REE	56	Neutral	Neutral
VIB	49	Neutral	Neutral	HDC	33	Weak	Weak	FTS	28	Weak	Weak	CTD	49	Neutral	Neutral	PAC	63	Too hot	Strong
SSB	39	Neutral	Weak	NLG	44	Neutral	Weak	CTS	30	Weak	Weak	CTR	34	Weak	Weak	TV2	46	Weak	Neutral
VCB	37	Weak	Weak	DXS	32	Weak	Weak	BSI	36	Weak	Weak	HT1	56	Strong	Strong	TCM	26	Weak	Weak
NAB	26	Weak	Weak	NTL	42	Weak	Weak	TCI	44	Neutral	Weak	CTI	53	Neutral	Strong	TLG	42	Weak	Weak
OCB	33	Weak	Weak	SIP	49	Neutral	Neutral	TVB	35	Weak	Weak	BMP	26	Weak	Weak	PNJ	51	Neutral	Strong
BID	33	Weak	Weak	SZC	38	Weak	Weak	DSE	43	Weak	Weak					MSH	49	Neutral	Neutral
LPB	47	Neutral	Neutral	BCM	31	Weak	Weak												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm & đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	28	Weak	Weak	PVD	59	Strong	Strong	MSN	43	Weak	Weak	YEG	46	Neutral	Neutral	VPL	46	Neutral	Weak
SAM	47	Neutral	Weak	BSR	63	Too hot	Strong	VNM	44	Weak	Weak	DCL	56	Neutral	Strong	VJC	40	Weak	Weak
ELC	29	Weak	Weak	PLX	38	Weak	Weak	DBC	32	Weak	Weak	DBD	36	Weak	Neutral	HVN	29	Weak	Weak
CMG	28	Weak	Weak	POW	44	Weak	Weak	BAF	36	Weak	Weak	TNH	27	Weak	Weak	SCS	42	Weak	Neutral
MWG	41	Weak	Weak	NT2	48	Neutral	Neutral	SAB	38	Weak	Weak	JVC	33	Weak	Weak	VNG	40	Neutral	Weak
DGW	40	Weak	Weak	GAS	39	Weak	Weak	ANV	39	Weak	Weak					HAX	42	Weak	Weak
PET	54	Neutral	Strong	GEG	67	Too hot	Strong	VHC	50	Neutral	Neutral					DRC	36	Weak	Weak
FRT	41	Weak	Weak	PPC	63	Strong	Strong	MCH	41	Weak	Weak								

Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	VCI	36.95	43	37	16.4%	Kỳ vọng nâng hạng sẽ hỗ trợ nhóm chứng khoán trong thời gian tới
2	KDH	26	34	NA	NA	Nhóm bất động sản bị chiết khấu mạnh. KDH có sức khỏe tài chính lành mạnh được kỳ vọng là khoản đầu tư trung dài hạn. Chờ đợi các tín hiệu kỹ thuật trong ngắn hạn có thể mở mua mới
3	VSC	24.8	30	24	21.0%	Nhóm cảng biển đang được hưởng lợi. VSC có động lượng tăng giá mạnh mẽ và đã vào nhịp uptrend. Cần chờ đợi những nhịp điều chỉnh để tham gia
4	HPG	26.65	29.5	27.5	10.7%	HPG vẫn có động lực mạnh mẽ tăng trưởng về KQKD trong 2026. Hiện cổ phiếu đã chiết khấu về vùng giao dịch sideways trước đây. Mở ra cơ hội mua mới

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	APG	Dịch vụ tài chính	7.12 - 13.45	7.1	-30.2%
2	PLX	Dầu khí	30.95 - 70.40	48.4	-21.9%
3	PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	14.09 - 32.70	24.7	-19.7%
4	HSL	Thực phẩm và đồ uống	3.33 - 16.60	5.4	-19.2%
5	GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	49.32 - 131.50	91.8	-18.1%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
39.7%	94.6	12.50 - 94.60	Hóa chất	HRC
17.2%	23.5	16.71 - 29.10	Xây dựng và Vật liệu	VCG
15.4%	160.5	52.80 - 161.90	Ô tô và phụ tùng	VVS
14.3%	20.0	16.85 - 25.85	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	SFC
12.4%	160.5	7.88 - 19.30	Bất động sản	NVL

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SDU	Xây dựng và Vật liệu	11.00 - 28.80	11.0	-23.1%
2	PVS	Dầu khí	20.00 - 56.40	40.0	-21.6%
3	SGH	Du lịch và Giải trí	18.00 - 31.00	20.1	-19.0%
4	PVB	Dầu khí	21.60 - 43.30	30.0	-18.0%
5	KKC	Tài nguyên Cơ bản	5.40 - 8.50	6.2	-17.3%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
34.1%	12.2	7.50 - 12.20	Xây dựng và Vật liệu	VCC
33.8%	9.1	6.20 - 21.90	Truyền thông	HEV
10.0%	19.8	15.10 - 29.80	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	CTT
10.0%	22.0	17.70 - 25.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VBC
9.9%	10.0	7.50 - 13.50	Công nghệ Thông tin	VLA

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VTS	Xây dựng và Vật liệu	4.20 - 12.80	4.2	-40.0%
2	IBD	Truyền thông	5.40 - 10.40	5.4	-40.0%
3	VPA	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.60 - 3.20	1.6	-30.4%
4	HNP	Tiêu dùng không thiết yếu	10.70 - 20.80	13.8	-27.4%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	1.50 - 3.20	1.6	-27.3%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
72.2%	9.3	4.00 - 10.40	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	DMS
58.7%	82.5	36.10 - 82.50	Xây dựng và Vật liệu	HAM
46.3%	19.9	13.60 - 37.20	Xây dựng và Vật liệu	RCC
39.8%	28.1	20.10 - 28.10	Hàng cá nhân & Gia dụng	SSF
39.0%	125.1	68.00 - 168.00	Y tế	TTD

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	VCG	VINACONEX	Xây dựng và Vật liệu	423,149.7	186.9	23.5	3.65 - 5.73	7.3
2	VPD	Phát triển Điện lực Việt Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	359.0	139.9	24.6	23.05 - 26.90	-2.4
3	IMP	IMEXPHARM	Y tế	5,729.7	111.7	55.0	36.10 - 57.00	2.0
4	VPI	Đầu tư Văn Phú - Invest	Bất động sản	166,569.7	106.2	58.7	47.70 - 62.30	2.6
5	SZL	Sonadezi Long Thành	Bất động sản	809.8	79.8	48.2	35.50 - 51.00	0.6
6	DGC	Hóa chất Đức Giang	Hóa chất	615,586.2	74.6	77.4	58.20 - 110.90	5.9
7	TDP	Công ty Thuận Đức	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12,108.1	72.3	30.0	23.55 - 35.85	0.8
8	VIB	VIBBank	Ngân hàng	127,566.6	63.6	16.9	14.30 - 24.80	1.2
9	VPL	CTCP Vinpearl	Du lịch và Giải trí	59,502.8	61.1	79.3	67.00 - 120.00	3.4
10	GEG	Điện Gia Lai	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	38,746.5	54.8	16.8	11.50 - 18.45	9.1

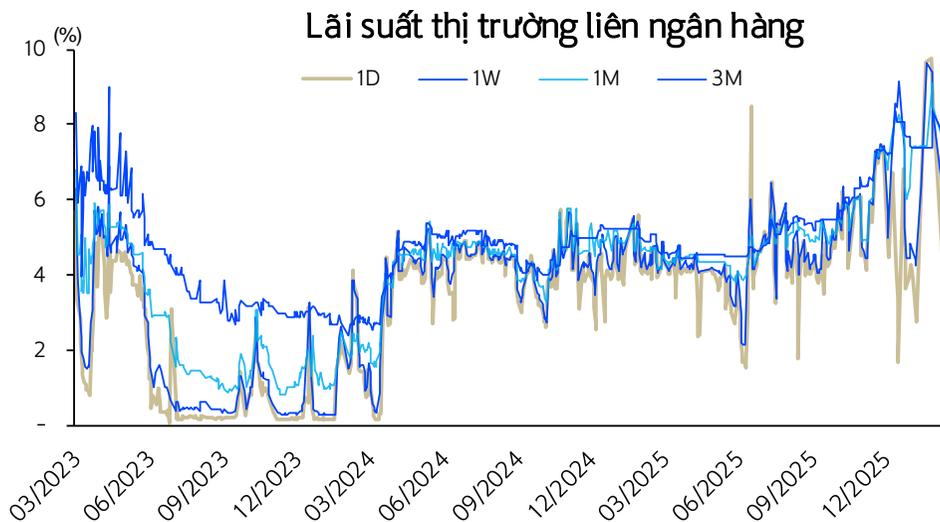
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

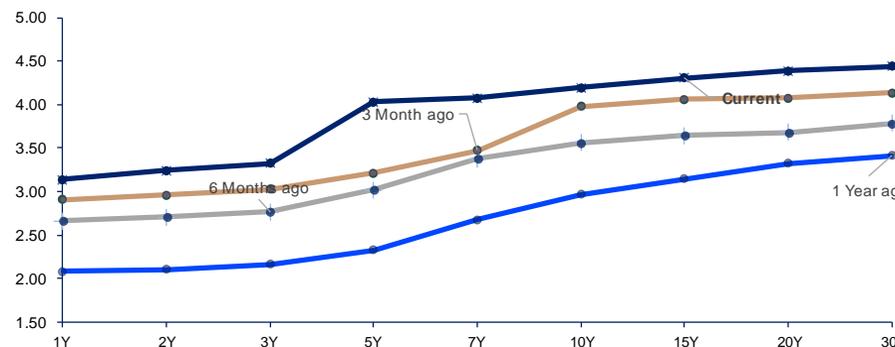
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	100.21	1.2	3.4	1.8	1.9	
VND/USD	26,293	0.3	1.2	-0.1	0.0	
KRW/USD	1,500.70	0.8	3.9	2.2	4.2	
JPY/USD	159.46	1.1	4.4	2.7	1.8	
EUR/USD	0.87	1.6	3.8	2.8	2.7	
SGD/USD	1.28	0.3	1.5	-0.6	-0.3	
CNY/USD	6.90	-0.1	-0.1	-2.1	-1.2	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	97.75	7.5	55.4	70.2	70.2	
Xăng	298.48	8.7	56.2	70.4	75.0	
Gas	3.31	4.0	2.2	-19.5	-10.1	
Than	135.00	0.6	16.3	24.4	25.6	
Vàng	5,075.43	-1.9	0.7	17.9	17.5	
Bạc	82.25	-2.7	6.3	28.3	14.8	
Platinum	2,067.73	-3.9	0.0	15.4	0.4	
Quặng sắt	104.72	3.8	4.3	-1.3	-2.2	
Thép cán	3,283.00	1.4	0.9	0.7	0.4	
Lúa mì	592.25	1.6	7.2	10.8	16.8	
Ngô	448.25	1.5	3.9	3.9	1.8	



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.14	3.24	3.33	4.03	4.08	4.19	4.31	4.06	3.64
Thay đổi (WoW)	8.00	7.10	9.60	20.70	22.80	2.60	7.50	3.30	3.80

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.